

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2024

“V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hồ Văn Hào.
2. Bà Vũ Thị Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2002.

Nơi ĐKKHKT: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 02, Trại giam số 3 Cục CSQTG, CSGDBB, TGD.

Địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/12/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Đình Q đăng ký kết hôn ngày 13/12/2021 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Trước khi đăng ký kết hôn thì chị và anh Q đã sống chung với nhau, tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q chơi bời, không lo tu chí làm ăn. Sau khi con chung được 1 tuổi vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian ngắn thì anh Q bị bắt và hiện đang đi chấp hành tại phân trại 2, Trại giam S Bộ C

đóng tại xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 04/10/2020 (con chung sinh ra trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn), không có con riêng, không nuôi con nuôi.

Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Q hiện đang đi chấp hành án.

Hiện tại chị làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân 1 tháng 6.000.000 đồng, đủ khả năng đảm bảo điều kiện tốt nhất có thể để trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản: Quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và không vay của ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 11/3/2023, bị đơn anh Nguyễn Đình Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn ngày 13/12/2021 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau bình thường một thời gian thì anh bị bắt thì chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị N dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Do đó chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị N vì thương con.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 04/10/2020 (con chung sinh ra trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn), không ai có con riêng, không nuôi con nuôi đúng như chị N đã trình bày.

Nay ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến lúc trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay và không vay của ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị N và anh Q đến lúc con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Đình Q cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Thái Hoà giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Đình Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hoà.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Đình Q đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về nội dung*:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình Q đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2021 tại UBND xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị N và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị N, anh Q là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn do trong quá trình chung sống anh Q chơi bời, không lo tu chí làm ăn, không chăm lo gia đình. Sau khi con chung được 1 tuổi vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên sau khi kết hôn thì tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được nên vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian ngắn thì anh Q bị bắt và đi chấp hành án thì vợ chồng không còn ai quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bị đơn anh Q cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Sau đó anh phải đi chấp hành án phạt tù vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay nhưng anh Q không đồng ý ly hôn với chị N vì thương con.

Xét anh Q trình bày quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q xác định quá trình chung sống chị N, anh Q có xảy ra mâu thuẫn. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì chị N, anh Q sống ly thân. Sau đó anh Q bị bắt và hiện đang đi chấp hành án nên khả năng để chị N, anh Q đoàn tụ là không khả thi. Điều đó chứng tỏ quá trình chung sống chị N và anh Q có xảy ra mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được và anh Q không đồng ý ly hôn với chị N vì thương con mà không phải vì đang còn thương yêu chị N, chứng tỏ anh Q không còn tình cảm với chị N nữa. Mặt khác anh Q không đưa ra được các giải

pháp khắc phục tình trạng mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa là có căn cứ.

2.2. *Về nuôi con chung*: Chị N và anh Q có một con chung là Nguyễn Mai P, sinh ngày 04/10/2020 (con chung sinh ra trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn), không ai có con riêng, không nuôi con nuôi.

Xét chị N và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N và anh Q đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hiện tại anh Q đang chấp hành án tại Trại giam S nên chưa đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Còn chị N hiện làm nghề lao động tự do, thu nhập bình quân 1 tháng 6.000.000 đồng, đủ khả năng và điều kiện ăn ở sinh hoạt đảm bảo các điều kiện tốt nhất để trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Mặt khác sau khi anh Q đi chấp hành án thì chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương xác định được trong quá trình chung sống chị N, anh Q đều không ai có hành vi đánh đập, ngược đãi con chung. Do đó để tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của chị N và anh Q được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị N, anh Q ly hôn, cần giao con chung của chị N, anh Q cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa là phù hợp.

Chị N không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

2.3. *Về chia tài sản*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đình Q.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một con chung của chị N, anh Q là Nguyễn Mai P, sinh ngày 04/10/2020, đến lúc con chung trưởng thành.

2.2. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Anh Nguyễn Đình Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình Q đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006801 ngày 21/12/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (chị N đã nộp đủ tiền án phí).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- UBND xã Nghĩa Thuận (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên